

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ NỘI TOURIST TAXI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần HanoiTourist Taxi (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Hường	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Việt Hồng	Thành viên
Ông Đỗ Anh Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Hồng	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KTV.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANOITOURIST TAXI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Số 105 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần HanoiTourist Taxi



Nguyễn Duy Hồng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2025

Số: 2509001/BCKT-TC/KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
Của Công ty Cổ phần HanoiTourist Taxi

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần HanoiTourist Taxi

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán KTV đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần HanoiTourist Taxi (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/03/2025, từ trang 05 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày 31/12/2024 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt của Công ty tại ngày 31/12/2024, các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không thực hiện được. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về sự hiện hữu và giá trị của khoản mục tiền mặt cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” nêu trên, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024:

- a. Đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024; và
- b. Phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần HanoiTourist Taxi giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán KTV giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Nguyễn Duy Thành
Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 6650-2025-116-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KTV

Lập, ngày 08 tháng 09 năm 2025

Nguyễn Sơn Tùng
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 6701-2025-116-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.537.356.947	27.050.089.218
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.498.847.015	5.511.868.551
1. Tiền	111		210.709.801	521.710.183
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.288.137.214	4.990.158.368
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.300.000.000	20.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	24.300.000.000	20.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.722.307	376.910.002
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.722.307	376.910.002
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		692.787.625	861.310.665
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.6	692.787.625	861.310.665
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.598.270.778	11.059.852.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.4	8.598.270.778	11.059.852.498
1. Tài sản cố định hữu hình	221		8.598.270.778	11.059.852.498
- Nguyên giá	222		24.243.525.100	24.765.546.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.645.254.322)	(13.705.694.420)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		36.135.627.725	38.109.941.716

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.657.402.415	4.232.456.667
I. Nợ ngắn hạn	310		4.657.402.415	4.232.456.667
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.5	177.000.000	210.000.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6	62.700.854	334.034.010
3. Phải trả người lao động	314		42.400.000	77.200.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		264.751.992	127.951.992
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.254.536.354	1.291.103.145
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.856.013.215	2.192.167.520
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.478.225.310	33.877.485.049
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.7	31.478.225.310	33.877.485.049
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.881.590.830	6.496.853.987
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.596.634.480	2.380.631.062
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.380.631.062	(3.535.000)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		216.003.418	2.384.166.062
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		36.135.627.725	38.109.941.716

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Thùy Dương

Trương Thùy Dương

Nguyễn Duy Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.243.494.445	26.073.972.054
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	V.8	3.243.494.445	26.073.972.054
4. Giá vốn hàng bán	11	V.9	3.593.177.545	25.374.884.769
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		(349.683.100)	699.087.285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.10	1.154.702.315	1.127.852.226
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		542.085.513	585.698.755
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		262.933.702	1.241.240.756
11. Thu nhập khác	31	V.11	70.909.091	452.727.273
12. Chi phí khác	32	V.12	63.838.521	117.297.980
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		7.070.570	335.429.293
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		270.004.272	1.576.670.049
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.13	54.000.854	315.334.010
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		216.003.418	1.261.336.039
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.14	86	505
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Thùy Dương

Trương Thùy Dương

Nguyễn Duy Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.841.871.000	28.759.010.000
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.309.590.000)	(24.661.060.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(343.000.000)	(335.200.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(325.334.010)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	793.971.267	1.080.581.086
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(275.655.482)	(901.385.668)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.382.262.775	3.941.945.418
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	62.000.000	69.297.980
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	1.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.157.978.846	625.153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.780.021.154)	1.569.923.133
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.615.263.157)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.615.263.157)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.013.021.536)	5.511.868.551
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.511.868.551	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.498.847.015	5.511.868.551

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Thùy Dương

Trương Thùy Dương

Nguyễn Duy Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. Thông tin khái quát

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HanoiTourist Taxi (Sau đây được viết tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101745739, cấp lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2005, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 07 năm 2025, theo đó.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 07 năm 2025 là: 25.000.000.000 đồng. (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

	Vốn điều lệ theo ĐKKD		Vốn thực tế đã góp	
	thay đổi lần thứ 6		đến ngày 31/12/2024	
	VND	%	VND	%
Công ty cổ phần taxi Hà Nội	17.700.200.000	70,80%	17.700.200.000	70,80%
Công ty TNHH MTV Thăng Long GTC	1.300.000.000	5,20%	1.300.000.000	5,20%
Công ty TNHH MTV du lịch DV Hà Nội	1.300.000.000	5,20%	1.300.000.000	5,20%
Phạm Thiếu Sơn	100.000.000	0,40%	100.000.000	0,40%
Tong cty du lịch Ha Noi - Cty TNHH	2.388.800.000	9,56%	2.388.800.000	9,56%
Công ty Cổ phần Đầu tư Fortika	2.061.000.000	8,24%	2.061.000.000	8,24%
Các cổ đông khác	150.000.000	0,60%	150.000.000	0,60%
Tổng cộng	25.000.000.000	100,00%	25.000.000.000	100,00%

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Quảng cáo;
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Điều hành tua du lịch;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý du lịch;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)(chính)
Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá; và
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.

Địa chỉ: Số 105 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có Công ty con và chi nhánh hạch toán phụ thuộc nào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. Cơ sở lập Báo cáo tài chính và Năm tài chính

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Theo đó năm tài chính của Công ty sẽ được xác định từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

III. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại các ngân hàng Công ty giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được xác định vào kết quả kinh doanh năm hiện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

tại. Tại thời điểm cuối năm tài chính Công ty thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ phải thu của Công ty đều có khả năng thu hồi hoặc bù trừ công nợ giữa các đơn vị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong năm Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hàng tồn kho kém, mất phẩm chất hoặc chậm luân chuyển để làm căn cứ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thời gian khấu hao
(Số năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận trên cơ sở số lợi nhuận trong năm và các khoản giảm trừ (nếu có). Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được sử dụng để trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức và phân phối lợi nhuận

Cổ tức được trả cho các cổ đông theo Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị sau khi đã được thông qua Hội đồng cổ đông. Căn cứ để xác định cổ tức hàng năm dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong Báo cáo tài chính hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa nhận được các thông báo về chia cổ tức, phân phối lợi nhuận tại các công ty liên doanh liên kết nên Công ty chưa có đầy đủ cơ sở để ghi nhận doanh thu tài chính từ hoạt động đầu tư trong kỳ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi. Công ty ghi nhận lãi từ các khoản đầu tư tài chính khi nhận được các thông báo chính thức về việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức tại các đơn vị mà Công ty đầu tư vốn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MAU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tài chính

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	200.495.711	14.265.261
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	10.214.090	507.444.922
Tương đương tiền	2.288.137.214	4.990.158.368
Cộng	2.498.847.015	5.511.868.551

i. Chi tiết khoản mục tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hà Nội	5.786.226	6.415.425
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Thăng Long	2.073.057	497.850.583
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Bắc Thăng Long	2.354.807	3.178.914
Cộng	10.214.090	507.444.922

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2024		01/01/2024	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	24.300.000.000	24.300.000.000	20.300.000.000	20.300.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	24.300.000.000	24.300.000.000	20.300.000.000	20.300.000.000
Công ty Cổ phần hợp tác đầu tư và phát triển	24.300.000.000	24.300.000.000	20.300.000.000	20.300.000.000
Cộng	24.300.000.000	24.300.000.000	20.300.000.000	20.300.000.000

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Giá trị	Giá trị
Công ty Cổ phần hợp tác đầu tư và phát triển	7.709.307	
Công ty Cổ phần Taxi Hà Nội	38.013.000	376.910.000
Công ty TNHH MTV Toyota Mỹ Đình		2
Cộng	45.722.307	376.910.002
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	38.013.000	376.910.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	24.765.546.918	24.765.546.918
- Giảm khác	(522.021.818)	(522.021.818)
Tại ngày 31/12/2024	24.243.525.100	24.243.525.100
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	13.705.694.420	13.705.694.420
- Khấu hao trong năm	2.461.581.720	2.461.581.720
- Giảm do thanh lý tài sản	(522.021.818)	(522.021.818)
Tại ngày 31/12/2024	15.645.254.322	15.645.254.322
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	11.059.852.498	11.059.852.498
Tại ngày 31/12/2024	8.598.270.778	8.598.270.778

5. Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	177.000.000	177.000.000	210.000.000	210.000.000
Công ty Cổ phần Taxi Hà Nội	177.000.000	177.000.000	210.000.000	210.000.000
Cộng	177.000.000	177.000.000	210.000.000	210.000.000
<i>Trong đó phải trả cho bên liên quan</i>	<i>177.000.000</i>	<i>177.000.000</i>	<i>210.000.000</i>	<i>210.000.000</i>

6. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu của Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	325.334.010	54.000.854	325.334.010	54.000.854
Thuế thu nhập cá nhân	8.700.000	34.800.000	34.800.000	8.700.000
Các loại thuế khác	-	4.320.000	4.320.000	-
Cộng	334.034.010	93.120.854	364.454.010	62.700.854
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	861.310.665	266.570.464	98.047.424	692.787.625
Cộng	861.310.665	266.570.464	98.047.424	692.787.625

- i. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. Vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	25.000.000.000	6.496.853.987	1.119.295.023	32.616.149.010
Lãi trong năm	-	-	1.261.336.039	1.261.336.039
Số dư tại ngày 01/01/2024	25.000.000.000	6.496.853.987	2.380.631.062	33.877.485.049
Lãi trong năm	-	-	216.003.418	216.003.418
Phân phối lợi nhuận	-	(2.615.263.157)	-	(2.615.263.157)
Số dư tại ngày 31/12/2024	25.000.000.000	3.881.590.830	2.596.634.480	31.478.225.310

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty cổ phần taxi Hà Nội	17.700.200.000	17.700.200.000
Công ty TNHH MTV Thăng Long GTC	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty TNHH MTV du lịch DV Hà Nội	1.300.000.000	1.300.000.000
Phạm Thiếu Sơn	100.000.000	100.000.000
Tong cty du lịch Ha Noi - Cty TNHH	2.388.800.000	2.388.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Fortika	2.061.000.000	2.061.000.000
Các cổ đông khác	150.000.000	150.000.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

8. Doanh thu bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.243.494.445	26.073.972.054
Cộng	3.243.494.445	26.073.972.054
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	3.243.494.445	26.073.972.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. Giá vốn

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.593.177.545	25.374.884.769
Cộng	3.593.177.545	25.374.884.769

10. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.154.702.315	1.127.852.226
Cộng	1.154.702.315	1.127.852.226

11. Doanh thu khác

Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	70.909.091	452.727.273
Cộng	70.909.091	452.727.273

12. Chi phí khác

Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	16.000.000	-
Các khoản chi phí khác	47.838.521	117.297.980
Cộng	63.838.521	117.297.980

13. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	270.004.272	1.576.670.049
<i>Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Trừ các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	270.004.272	1.576.670.049
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	54.000.854	315.334.010
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành	54.000.854	315.334.010

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ, do đó việc xác định số thuế sau cùng tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	216.003.418	1.261.336.039
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>216.003.418</u>	<u>1.261.336.039</u>
Số cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu suy giảm	<u>2.500.000</u>	<u>2.500.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>86</u>	<u>505</u>

Công ty chưa có dự tính trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên Cổ phiếu.

15. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Thùy Dương

Trương Thùy Dương

Nguyễn Duy Hồng